

Số: 54/QĐ-UBND

Mường Lay, ngày 07 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tạm cấp kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2025 cho Văn phòng Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận tổ quốc phường, phòng chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND phường Mường Lay

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ MƯỜNG LAY

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc tạm cấp kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương cho các xã, phường, mới thành lập, năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 05-TB/TU ngày 01/7/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy phường Mường Lay về việc chủ trương tạm cấp kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2025 cho Văn phòng Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận tổ quốc phường, các phòng chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND phường Mường Lay;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Mường Lay,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm cấp kinh phí 16.500.000.000 đồng (Mười sáu tỷ năm trăm triệu đồng), cho Văn phòng Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận tổ quốc phường, các phòng chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND phường Mường Lay, cụ thể như sau:

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường cân đối từ nguồn kinh phí trên, cấp bổ sung cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện.

2. Căn cứ vào nguồn được phân bổ Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm quản lý, sử dụng thanh, quyết toán nguồn kinh phí được tạm cấp theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường; Chánh Văn phòng Đảng ủy phường; Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Trung tâm phụ vụ Hành chính công; Chủ tịch Ủy ban MTTQ phường; Giám đốc Trung tâm dịch vụ tổng hợp phường và Trưởng phòng Giao dịch kho bạc số 01 - KBNN Khu vực X chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Đảng ủy phường;
- TT. HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Lưu: VT, CVKT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đạt Long

ang ủy
hình



BIỂU CHI TIẾT

**Tạm cấp kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương cho Văn phòng Đảng ủy,
Ủy ban MTTQ phường, phòng chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp
thuộc UBND phường Mùong Lay**

(Kèm theo số Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2025 của UBND phường Mùong Lay)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Mã quan hệ ngân sách	Chương	Khoản	Mã nguồn	Dự toán bổ sung	Ghi chú
	TỔNG CỘNG (I) + (II) + (III)					16.500.000.000	
I	CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN, ĐƠN VỊ THUỘC CẤP PHƯỜNG					3.560.000.000	
1	Văn phòng HĐND và UBND	1143921	830	341	13	2.936.000.000	
	Lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp					1.377.000.000	
	Lương hợp đồng lao động					63.000.000	
	Chi khác (tiền điện sáng, cước phí Internet, công tác phí, xăng xe)					300.000.000	
	Lương bán chuyên trách					696.000.000	
	Kinh phí hỗ trợ chia tách sáp nhập để thực hiện: Sửa lại tên biển các công trình trên địa bàn, cổng chào hai đầu phường, cột đèn trang trí hai đầu đường đôi khu Chi Luông, mua sắm trang thiết bị, sửa chữa trụ sở làm việc Trung tâm hành chính công tại xã Sá tổng cũ, phường Na Lay cũ				12	500.000.000	
2	Trung tâm phục vụ hành chính công	1143917	833	341	13	283.000.000	
	Lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp					233.000.000	
	Chi khác (tiền điện sáng, cước phí Internet, công tác phí nếu có)					50.000.000	
3	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	1143918	821	161	13	341.000.000	
	Lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp					291.000.000	
	Chi khác (tiền điện sáng, cước phí Internet, công tác phí nếu có)					50.000.000	
II	ĐẢNG ỦY PHƯỜNG MƯỜNG LAY					1.656.000.000	
4	Đảng ủy phường Mùong Lay					1.292.000.000	
4.1	Văn phòng Đảng ủy	1143922	819	351		1.232.000.000	
	Lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp				13	832.000.000	
	Lương hợp đồng lao động				13	100.000.000	
	Chi khác (tiền điện sáng, cước phí Internet, công tác phí, xăng xe)				13	150.000.000	
	Kinh phí chuẩn bị đại hội Đảng bộ phường (phụ cấp các Tiểu ban)				12	150.000.000	



STT	Nội dung	Mã quan hệ ngân sách	Chương	Khoản	Mã nguồn	Dự toán bổ sung	Ghi chú
4.2	Trung tâm Chính trị (Sự nghiệp đào tạo)	1144205	819	083	13	60.000.000	
	Lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp					50.000.000	
	Chi khác (tiền điện sáng, cước phí Internet, công tác phí nếu có)					10.000.000	
5	Ủy ban MTTQ phường Mường Lay	1143916	820	361	13	364.000.000	
	Lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp					314.000.000	
	Chi khác (tiền điện sáng, cước phí Internet, công tác phí nếu có)					50.000.000	
III	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC					11.284.000.000	
6	Trường Mầm non Nậm Căn	1113250	822	071	13	616.000.000	
	Lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp					606.000.000	
	Chi khác (tiền điện sáng, cước phí Internet, công tác phí nếu có)					10.000.000	
7	Trường Mầm non 19/5	1093995	822	071	13	490.000.000	
	Lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp					480.000.000	
	Chi khác (tiền điện sáng, cước phí Internet, công tác phí nếu có)					10.000.000	
8	Trường Mầm non Bản Lé	1121083	822	071	13	676.000.000	
	Lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp					666.000.000	
	Chi khác (tiền điện sáng, cước phí Internet, công tác phí nếu có)					10.000.000	
9	Trường Mầm non Đồi Cao	1093990	822	071	13	391.000.000	
	Lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp					384.000.000	
	Chi khác (tiền điện sáng, cước phí Internet, công tác phí nếu có)					7.000.000	
10	Trường Mầm non Lay Nưa	1093994	822	071	13	483.000.000	
	Lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp					480.000.000	
	Chi khác (tiền điện sáng, cước phí Internet, công tác phí nếu có)					3.000.000	
11	Trường Tiểu học Nậm Căn	1093999	822	072	13	636.000.000	
	Lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp					627.000.000	
	Chi khác (tiền điện sáng, cước phí Internet, công tác phí nếu có)					9.000.000	
12	Trường Tiểu học Lay Nưa	1093997	822	072	13	460.000.000	
	Lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp					457.000.000	
	Chi khác (tiền điện sáng, cước phí Internet, công tác phí nếu có)					3.000.000	
13	Trường Tiểu học Bản Mò	1123981	822	072	13	766.000.000	

Ghi chú

STT	Nội dung	Mã quan hệ ngân sách	Chương	Khoản	Mã nguồn	Dự toán bổ sung	Ghi chú
	Lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp					762.000.000	
	Chi khác (tiền điện sáng, cước phí Internet, công tác phí nếu có)					4.000.000	
14	Trường THCS Lay Nưa	1093998	822	072	13	597.000.000	
	Lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp					589.000.000	
	Chi khác (tiền điện sáng, cước phí Internet, công tác phí nếu có)					8.000.000	
15	Trường TH&THCS Đoàn Kết	1094000	822			869.000.000	
	Cấp THCS			073	13	437.000.000	
	Lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp					429.000.000	
	Chi khác (tiền điện sáng, cước phí Internet, công tác phí nếu có)					8.000.000	
	Cấp Tiểu học			072	13	432.000.000	
	Lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp					425.000.000	
	Chi khác (tiền điện sáng, cước phí Internet, công tác phí nếu có)					7.000.000	
16	Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc	1094001	822	073	13	557.000.000	
	Lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp					549.000.000	
	Chi khác (tiền điện sáng, cước phí Internet, công tác phí nếu có)					8.000.000	
17	Trường THCS Sông Đà	1096676	822			831.000.000	
	Cấp Tiểu học			072	13	385.000.000	
	Lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp					378.000.000	
	Chi khác (tiền điện sáng, cước phí Internet, công tác phí nếu có)					7.000.000	
	Cấp THCS			073	13	446.000.000	
	Lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp					438.000.000	
	Chi khác (tiền điện sáng, cước phí Internet, công tác phí nếu có)					8.000.000	
18	Trường MN số 1 Sá Tổng	1085783	822	073	13	709.000.000	
	Lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp					707.000.000	
	Chi khác (tiền điện sáng, cước phí Internet, công tác phí nếu có)					2.000.000	
19	Trường MN số 2 Sá Tổng	1121811	822	073	13	805.000.000	
	Lương và các khoản phụ cấp					802.000.000	
	Chi khác (chi tiết theo từng nội dung)					3.000.000	
20	Trường PT DTBT Tiểu học số 2 Sá Tổng	1098657	822	072	13	759.000.000	
	Lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp					756.000.000	



STT	Nội dung	Mã quan hệ ngân sách	Chương	Khoản	Mã nguồn	Dự toán bổ sung	Ghi chú
	Chi khác (tiền điện sáng, cước phí Internet, công tác phí nếu có)					3,000,000	
21	Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Sá Tổng	1130221	822			1,639,000,000	
	Cấp Tiểu học			072	13	765,000,000	
	Lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp					763,000,000	
	Chi khác (tiền điện sáng, cước phí Internet, công tác phí nếu có)					2,000,000	
	Cấp THCS			073	13	874,000,000	
	Lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp					871,000,000	
	Chi khác (tiền điện sáng, cước phí Internet, công tác phí nếu có)					3,000,000	